TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN-THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đạt

2. Ông Bùi Văn Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Tú – Thư ký Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thanh Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 594/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐXX-ST ngày 27/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị M sinh năm 1979

HKTT: Tổ 20, phường SĐ, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Hiện đang trú tại: Số 8 ngách 95/85 tổ 14, phường PL, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Trịnh Thanh H sinh năm 1971

HKTT: Tổ 20, phường SĐ, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Hiện đang trú tại: Số 8 ngách 95/85 tổ 14, phường PL, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa: Chị Bùi Thị M trình bầy:Tôi xây dựng gia đình với anh Trịnh Thanh H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Sài Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội ngày 18/10/2002. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống mặc dù trong cuộc sống đôi lúc vợ chồng cũng không tìm thấy tiếng nói chung nhưng vì con cái nên tôi cũng cho qua để cuộc sống chung vợ chồng đỡ căng thẳng. Từ chỗ mỗi khi có chuyện gì vợ chồng cần trao đổi bàn bạc mà không thống nhất được quan điểm là cãi nhau làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng. Mỗi khi anh H uống rượu vào là về khà khịa chửu bới đành đập tôi. Vì các con và vì bố mẹ tôi, tôi phải nín nhịn không dám nói với ai hay báo chính quyền địa Ph mà chỉ âm thầm nghỉ làm mấy buổi để bớt thâm tím. Trong cuộc sống gia đình ngoài việc vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung anh H còn cho là tôi lấy cớ đi làm ca để đi chơi về đánh tôi, anh H có lúc còn chơi bời cắm cả xe máy bắt tôi phải bỏ tiền ra chuộc về. Tôi không chuộc thì anh H mang con tôi đi mấy ngày xong lại mang về. Cuộc sống vợ chồng vô cùng ngột ngạt và trầm trọng từ tháng 9 năm 2017. Nguyên nhân là do anh H uống rượu về say, tôi góp ý thì anh H đánh tôi và kể từ đó vợ chồng gần như không nói chuyện với nhau. Đến đầu năm 2018 thì anh H không đưa lương cho tôi nữa. Cuộc sống vợ chồng cứ như vậy đến tháng 7 năm 2018 anh H đi xem bói về nói là tôi sát phu bảo tôi phải đưa tiền để cúng. Tôi phải vay mượn để đưa cho anh H 20.000.000 đồng, nhưng đưa xong anh H lại bảo tôi phải đưa cho anh H 100.000.000 đồng. Tôi nói không có thế là anh H đánh tôi ngay tại nhà, các em tôi phải vào can. Sau sự việc đó tôi thấy không thể chấp nhận sống chung cùng với anh H và quyết định ly hôn. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là cháu: Trịnh Thúy Ha, sinh ngày 30/10/2003; cháu Trịnh Minh Ph, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Trịnh Minh Ho, sinh ngày 20/10/2014. Hiện nay cả 3 cháu đang ở cùng với vợ chồng tôi và sống cùng với bố mẹ đẻ tôi. Khi ly hôn tôi xin được nuôi cả 3 cháu và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với tôi, vì từ trước đến nay một mình tôi vẫn chăm sóc rất tốt, anh H tuy sống cùng nhưng cũng không lo được gì cho các con. Tôi không đồng ý để anh H nuôi con vì anh H ngoài lương hưu ra không có công ăn việc làm ổn định, khi ly hôn rồi không có chỗ ở ổn định vì từ trước đến nay vợ chồng và các con tôi vẫn sống cùng với bố mẹ tôi. Mặt khác anh H còn rất hay rượu chè anh hưởng đến các con tôi.

Về tài sản chung: Tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Trịnh Thanh H trình bầy: Tôi xây dựng gia đình với chị Bùi Thị M trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Sài Đồng,

quận Long Biên, Thành phố Hà Nội ngày 18/10/2002. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, thỉnh thoảng cũng có lúc tranh luận to tiếng với nhau nhưng không phải thường xuyên, theo tôi nghĩ đấy là chuyện bình thường của các gia đình. Tuy nhiên nhiều lần như vậy khiến sự mâu thuẫn bị dồn nén bức xúc. Cuộc sống vợ chồng cứ như vậy cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do công việc của tôi làm nghề cơ khí nên thường xuyên phải đi theo công trình, ít khi về nhà. Tiền lương đi làm của tôi đưa hết cho vợ từ khi cưới đến nay, vậy mà khi tôi hỏi thì cô M nói là không còn đồng nào. Tôi làm đến 01/8/2015 thì nghỉ hưu và ở nhà không đi làm xa nữa. Hiện tại tôi làm tự do, ai thuê hàn hay khung cửa về cơ khí thì tôi làm. Về cuộc sống hàng ngày cô M nói dối tôi về việc đi chơi bên ngoài, không thật lòng với tôi, nói dối bố mẹ, hàng xóm, chồng con và các em là đi làm nhưng thực tế cô M đi đâu qua đêm tôi không biết. Khi tôi ốm tôi có hỏi cô M có tiền không để đi viện thì cô M bảo không có tiền. Mâu thuẫn càng trầm trọng hơn khi vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tuy sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm tới ai, chỉ nói chuyện khi liên quan đến việc chăm sóc con cái, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống hàng ngày nên không có hạnh phúc. Gia đình bên ngoại cũng khuyên cô M rất nhiều để vợ chồng hòa thuận, cùng làm ăn và dạy bảo con cái. Ngay cả bố đẻ cô M khuyên tôi bỏ cô M khi những lúc vợ chồng xô xát đánh cãi chửi nhau. Giữa tôi và gia đình cô M không có mâu thuẫn gì và ngược lại giữa cô M với gia đình tôi cũng không có mâu thuẫn gì. Do bố mẹ tôi ở xa không sống chung với vợ chồng tôi nên cũng không có ý kiến gì về việc mâu thuẫn của vợ chồng tôi. Theo tôi cuộc sống chung vợ chồng cũng không có hạnh phúc khi cô M luôn là người không quan tâm đến chồng khi chồng ốm đau, thường xuyên nói dối tôi nhưng tôi vẫn chấp nhận cuộc sống chung như vậy vì tôi nghĩ đến các con tôi. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên vợ chồng tôi chưa thống nhất được với nhau về kinh tế tài chính gia đình nên tôi không đồng ý ly hôn. Tôi chỉ đồng ý ly hôn khi chúng tôi giải quyết xong về phần tài sản.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung là cháu: Trịnh Thúy Ha, sinh ngày 30/10/2003; cháu Trịnh Minh Ph, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Trịnh Minh Ho, sinh ngày 20/10/2014. Nếu phải ly hôn quan điểm của tôi là được nuôi dưỡng cháu Ho còn cô M nuôi dưỡng hai cháu lớn. Nếu cô M nuôi hai cháu lớn thì tôi không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với cô M nhưng có đến dâu tôi sẽ cho con tôi đến đó theo lương tâm trách nhiệm của một người cha vì hiện nay tôi làm nghề lao động tự do khoảng 4.5 đến 5 triệu/ tháng và 3.3 triệu/ tháng là khoản lương hưu cố định hàng tháng ngoài ra không còn thu nhập nào khác.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là ly hôn với anh H. Về con chung: chị xin được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ

cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh H vắng mặt tại phiên Tòa nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi Tòa thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện tốt các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật còn bị đơn chấp hành không tốt các quy định cảu pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa: Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị M. Đề nghị xử cho chị M được ly hôn với anh H, Về con chung: Xác nhận chị M và anh H có 03 con chung. Giao cháu Trịnh Thúy Ha, sinh ngày 30/10/2003 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Minh Ph, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Trịnh Minh Ho, sinh ngày 20/10/2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghãi phụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới. Chị M phải chịu ns phí ly hôn sơ thẩm. Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết do vậy đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Chị M có đơn xin ly hôn anh H gửi tại Tòa án nhân dân quận Long Biên. Công an phường Phúc Lợi xác nhận anh H hiện đang cư trú tại phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Trịnh Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Sài Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội ngày 18 tháng 10 năm 2002. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, anh H đôi lúc rượu chè không kìm chế được bản thân vợ chồng có sô sát đánh cãi nhau. Trong cuộc sống chung vợ chồng thiếu lòng tin với nhau nên cuộc sống chung vợ chồng có căng thẳng. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn chị M xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn mà chỉ đồng ý sống ly thân. Hội đồng xét xử thấy: Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm

chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp…" Đối chiếu với quy định nêu trên vợ chồng chị M và anh H không có sự quan tâm chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ nhau trong cuộc sống, hiện anh H đã bỏ đi nơi khác ở không thông báo gì cho gia đình hay vợ con. Anh H đã có hành vi bạo lực đối với chị M; vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.Việc không đồng ý ly hôn của anh H không phải là tình cảm với chị M vẫn còn mong muốn về đoàn tụ mà chỉ là giải quyết xong về tài sản và không muốn con cái không có cha có mẹ, như vậy là cố tình gây khó khăn cho chị M. Như vậy cuộc sống chung của hai vợ chồng chị M-anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do vậy thấy cần chấp nhận đơn ly hôn của chị M đối với anh H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình**.**

Về con chung: Chị M và anh H có 03 con chung là cháu: Trịnh Thúy Ha, sinh ngày 30/10/2003; cháu Trịnh Minh Ph, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Trịnh Minh Ho, sinh ngày 20/10/2014. Hiện nay cả ba cháu đều đang ở với chị M cùng với ông bà ngoại. Khi ly hôn chị M xin nuôi cả ba con và không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Anh H chỉ xin nuôi cháu Ho. Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho ai nuôi cũng phải đảm bảo quyền và lợi ích của đứa trẻ. Hiện cháu Ho hiện còn bé, cháu đang ở với chị M phát triển bình thường lại có sự giúp đỡ của ông bà ngoại. Nếu giao cháu Ho cho anh H nuôi sẽ không đảm bảo quyền lợi của cháu vì theo như anh Ho trình bầy nếu được nuôi cháu Ho anh sẽ mang cháu về quê Thái Bình sống nhưng thực tế bố anh đã già không ở cùng anh, nhà chỉ có một mình anh không còn ai khác rất khó đảm bảo sự chăm sóc, chỗ ăn ở ổn định cho cháu. Mặt khác anh H cũng có hành vi bạo lực đối với chị M do vậy thấy không thể giao cháu Ho cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ho được. Cháu Ha hiện đã lớn có thể tự chăm sóc phục vụ bản thân lại có nguyện vọng ở với bố, mặc dù anh H không nhận nuôi cháu Ha nhưng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình anh H vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên của mình. Do vậy thấy cần giao cháu Ha co anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Cháu Ph có nguyện vọng ở với mẹ, trên thực tế cháu đang ở với mẹ, phát triển tốt do vậy thấy cần tôn trọng sự lựa chọn của các cháu. Chị M không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dương do vậy thấy cần hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Về tài sản chung: Chị M và anh H đều không yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị M.

Chị Bùi Thị M sinh năm 1979 được ly hôn với anh Trịnh Thanh H sinh năm 1971

Về con chung: Chị M và anh H có 03 con chung là cháu : Trịnh Thúy Ha, sinh ngày 30/10/2003; cháu Trịnh Minh Ph, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Trịnh Minh Ho, sinh ngày 20/10/2014. Giao cháu Trịnh Minh Ph và cháu Trịnh Minh Ho cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Thúy Ha cho anh H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hặc khi có yêu cầu mới.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Long Biên ngày 01 tháng 2 năm 2018 theo LB số AA/2017/0000833, nay được chuyển thánh án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành an theo quy định tại các Diều 6,7 và 9 Luật thi hành án dan sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị M, vắng mặt anh H. Chị M có quyền khánh cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi gửi:
- Các đương sự
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên;
- UBND phường SĐ;
- Lưu TA

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ

Hoàng Thị Thu Nga